

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/DS-PT

Ngày: 15-10-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiệp Hòa.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Ông Nguyễn Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thu Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 và ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Giang Thị C, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Xóm 01, thôn L, xã H, huyện P1, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Giang Thị C:

Luật sư Nguyễn Trung T – Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận.

Luật sư Vũ Quang Đ – Văn phòng luật sư Vũ Quang Đ, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Lồ Công P, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Số 11 đường V, thôn X1, xã N1, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lồ Công P: Luật sư Phan M – Công ty Luật X, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần R, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Xóm 01, thôn L, xã H, huyện P1, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt bà Giang Thị C, luật sư Nguyễn Trung T, luật sư Vũ Quang Đ, bà Lò Công P, luật sư Phan M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Giang Thị C trình bày:

Cuối năm 2015, bà dọn vào nhà mới tại Cầu Nam R1, lúc này có 10 người ở xã N1 xuống dọn dẹp nhà cho bà trong đó có bà Lò Công P và một số người khác. Từ đó, bà P nhiều lần đến nhà bà C làm quen và gợi ý vay tiền, do quen biết nên bà C đồng ý cho vay tiền. Lúc đó, cháu bà P có mượn tiền của bà C và nhờ bà P trả giúp, từ đó bà C nghĩ bà P là người đáng hoàng nên tin tưởng. Bắt đầu từ ngày 25/01/2016 (AL), bà P mượn tiền của bà C nhiều lần cho người khác vay để kiếm lời. Trong năm 2016, bà C đưa tiền cho bà P nhiều lần cụ thể như sau:

05 lần 100.000.000đồng là 500.000.000đồng; 02 lần 200.000.000đồng là 400.000.000đồng; 05 lần 50.000.000đồng là 250.000.000đồng và 01 lần 8.000.000đồng. Tổng cộng 1.158.000.000đồng, việc vay tiền không có làm giấy tờ và ghi sổ theo dõi, chỉ tin tưởng đưa tiền để làm ăn, số tiền vay ngày càng nhiều nhưng không trả nên bà C bắt đầu nghi ngờ không cho bà Lò Công P vay nữa và yêu cầu bà P hoàn trả cho bà C số tiền đã vay qua nhiều đợt từ năm 2016 đến tháng 6/2017 (AL). Ngày 09/6/2017(AL) bà C và bà P cộng tiền lại và chốt nợ tại nhà bà P với số tiền còn thiếu là 1.158.000.000đồng. Vì bà ít học, chữ nghĩa không rành nên viết “*giấy cam đoan còn thiếu nợ*” ghi trong cuốn vở học sinh, ghi từ đầu đến cuối, còn bà P ghi bằng chữ (một tỷ một trăm năm mươi tám triệu đồng chẵn) bà P giành ghi và nói: ghi chữ vào cho chắc, sợ có vấn đề về sau. Sau khi bà P ghi, bà ghi tiếp bà P ký tên Phòng vào phần cuối của trang giấy và ghi họ, tên. Nay bà yêu cầu bà Lò Công P (Moi) trả số tiền 1.158.000.000đồng (Một tỷ một trăm năm mươi tám triệu đồng chẵn) và tiền lãi từ ngày 12/12/2017 đến ngày Tòa xét xử theo qui định của pháp luật.

Bị đơn bà Lò Công P trình bày:

Bà quen biết bà Giang Thị C là do bà C đến xã N1 cho vay tiền góp nên bà cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xuống nhà bà C thế chấp, bà C buộc phải sang nhượng mới cho vay 50.000.000đồng. Sau đó, bà C hỏi có làm tiền góp không, thì bà đồng ý làm với bà C. Bà C đến xã N1 cho bà con ở đây vay tiền. Bà C yêu cầu ký tên, lẫn tay vào giấy nợ, và giữ Chứng minh nhân dân của họ khi nào trả hết nợ bà P đem giấy nợ từ bà C về trả cho những người đã mượn tiền. Bà C trả thù lao là tiền lãi, bà C 5 phần, bà P 3 phần với điều kiện ai giục nợ thì bà P chịu trách nhiệm. Bà làm ăn từ ngày 25/01/2016 (AL) cho đến ngày 25/9/2017 (DL) trả hết nợ cho bà C tại Văn phòng Công chứng R1 gồm tiền và vàng.

Đối với giấy nợ ghi trong cuốn vở của bà C vào ngày 09/6/2017(AL), bà C đã ghi số tiền 1.158.000.000đồng ở đoạn trên là giấy trắng không ghi chữ, bà C nhờ bà

ghi số tiền bằng chữ (một tỷ một trăm năm mươi tám triệu đồng chẵn) phần dưới không có ghi gì rồi bà C nói bà ký vào nên bà ký tên và ghi họ, tên. Đây là tờ giấy bà ký thử theo yêu cầu của bà C, bà không có vay tiền của bà C, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà C đối với số tiền 1.158.000.000 đồng và tiền lãi. Bà yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết tên Lò Công P và hàng chữ “một tỉ một trăm năm mươi tám triệu đồng chẵn”; Nét mực viết toàn bộ nội dung (kể cả chữ ký và tên Lò Công P) trong giấy “Lời khai cam đoan còn thiếu nợ”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần R trình bày:

Ông và bà Giang Thị C sống chung với nhau vào năm 2008, không đăng ký kết hôn, số tiền bà C đòi bà P là tiền riêng của bà C không liên quan gì đến ông. Việc bà C khởi kiện bà P trả số tiền vay mượn gốc là 1.158.000.000đồng. Ông cam đoan sau này không tranh chấp và không khiếu nại đối với số tiền mà bà C đã khởi kiện.

Người làm chứng do bên bị đơn cung cấp trình bày :

- **Bà Phan Thị P2:** Chị là người đi chung với bà Giang Thị C hùn vốn làm ăn chung, bà biết bà C do bà P dẫn bà C lên khu vực xã N1 làm ăn, theo bà biết bà P không có thiếu nợ của bà C, nhiều lần bà C nói hại bà P nhờ bà quay phim nhưng không được và hiện nay bà Trang không còn làm ăn với bà C nữa.

- **Bà Lương Sau N3:** Ngày 22/7/2017 bà Giang Thị C và Lò Công P (Moi) lên xã A1 có đến nhà bà do bà quen bà P, bà C nói “ *mày coi trên đây ai có mượn tiền thì đem Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, lẫn tay thì cho mượn*”. Bà C đưa tiền cho họ mượn. Bà biết những người nào mượn thì đi thu tiền cho bà C. Bà không biết bà P mượn tiền của bà C mà chỉ nghe thế chấp sổ đỏ (nhà). Việc ghi giấy lời khai cam đoan còn thiếu nợ giữa bà P và bà C thì bà không biết gì.

- **Ông Lương Tỏi D3:** Ông D3 biết bà P(Moi) làm ăn chung với bà C là cho vay. Năm 2017 ông có xuống nhà bà Giang Thị C vay tiền và sang nhượng sổ đỏ thì gặp bà Lò Công Phòng ở nhà bà C. Việc bà C và bà P làm giấy cam đoan còn thiếu nợ thì ông không có mặt ở nhà bà P nên không biết.

Sau khi hòa giải không thành, ngày 09/01/2019, Tòa án nhân dân huyện B đã đưa vụ án ra xét xử tại bản án số 01/2019/DSST, quyết định:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 , khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 117, các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 NQ 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Giang Thị C** về việc buộc bà Lò Công P phải trả cho bà **Giang Thị C** số tiền gốc 1.158.000.000đồng và lãi **124.333.070đồng. Tổng cộng 1.282.333.070đồng.**

- Buộc bị đơn bà Lò Công P phải trả cho bà Giang Thị C số tiền gốc và lãi 1.282.333.070đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba ngàn không trăm bảy chục đồng).

Về án phí:

- Bà Lò Công P phải chịu 50.469.992đồng án phí DSST.

- Hoàn trả cho bà Giang Thị C số tiền 40.740.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015537 ngày 12/12/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự Huyện B.

- Hoàn trả cho bà Giang Thị C số tiền 2.895.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015783 ngày 12/6/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự Huyện B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự và việc thi hành án dân sự.

Ngày 11/01/2019, bị đơn bà Lò Công P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Lò Công P thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, không yêu cầu hủy bản án sơ thẩm như đơn kháng cáo mà yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận khởi kiện của bà Giang Thị C về việc yêu cầu bà trả số tiền 1.158.000.000 đồng và tiền lãi kèm theo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lò Công P luật sư Phan M đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà P với các căn cứ: Bà P biết chữ, biết viết thông thạo tiếng Việt hơn bà C nên không có lý do gì để bà P phải nhờ bà C viết hộ giấy “Lời khai cam đoan còn thiếu nợ” như lời khai của bà C. Mục đích bà C lập giấy nhận nợ là để tạo chứng cứ khởi kiện. Trước và sau khi lập giấy “Lời khai cam đoan còn thiếu nợ” (giấy đề ngày 9/6/2017 âm lịch nhằm ngày 02/7/2017 dương lịch) bà P có vay của bà C 250.000.000 đồng vào ngày 15/6/2017 và đã trả đủ vào ngày 14/8/2017, cả khi vay và khi trả đều được bà C lập hợp đồng chặt chẽ nhưng khi cho vay số tiền lớn hơn là 1.158.000.000 đồng rồi đến khi bà P nhận nợ vào ngày 02/7/2017 thì lại không lập hợp đồng và lập giấy không chặt chẽ, không rõ ràng nên có mâu thuẫn trong việc lập giấy “Lời khai cam đoan còn thiếu nợ”. Bà C khai bà P nợ tiền mượn nên không có lãi, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà P trả tiền lãi trên số tiền 1.158.000.000 đồng là không có căn cứ. Việc bà C tự lập giấy nhận nợ là hành vi pháp lý đơn phương để xác định nghĩa vụ trả nợ cho chính bà C, không thể hiện ý chí của bà P; nội dung bà P viết trong giấy “Lời khai cam đoan còn thiếu nợ” không có ý nghĩa nhận nợ đối với bà C nên bà P không có nghĩa vụ trả nợ.

Nguyên đơn bà Giang Thị C không chấp nhận kháng cáo của bà Lò Công P, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Giang Thị C luật sư Vũ Quang Đa và luật sư Nguyễn Trung T cùng đề nghị Tòa án chấp nhận khởi kiện của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm với căn cứ: Việc bà C cho bà P vay tiền là có thật, vì tin tưởng nhau nên hai bên không lập giấy tờ của mỗi lần vay nhưng đã lập giấy “Lời khai cam đoan còn thiếu nợ” vào ngày 09/6/2017 âm lịch. Bà P đã thừa nhận có ghi số tiền bằng chữ “một tỷ một trăm năm mươi tám triệu đồng chẵn” và ký tên, ghi họ tên vào giấy nhận nợ, Kết luận giám định chữ viết, chữ ký của cơ quan Công an phù hợp với sự thừa nhận của bà P nên đã thể hiện rõ ý chí nhận nợ với số tiền 1.158.000.000 đồng của bà P. Việc từ “Lời khai cam đoan còn thiếu nợ” được lập với nhiều nét mực là do bà P và bà C đã sử dụng hai cây viết để viết là phù hợp thực tế và không trái quy định. Bà P không chứng minh được bà C nhờ viết số tiền bằng chữ trong khi bà C là người làm ăn hoàn toàn có thể viết số tiền bằng chữ. Khoản vay 250.000.000 đồng vào ngày 15/6/2017 được bà C lập tại Phòng công chứng do bà P vay tiền dùm bà Nga nên mới phải lập thủ tục chặt chẽ. Do đó, kháng cáo của bà P là không có căn cứ.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu: Việc tuân theo pháp luật trong vụ án, Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật; về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà P sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận khởi kiện của bà C về việc yêu cầu bà P trả số tiền vay 1.158.000.000 đồng kèm theo tiền lãi. Bà P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết luận tranh tụng và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần R được Tòa án cấp sơ thẩm xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông R là người không có kháng cáo và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt ông R.

[2] Bà Giang Thị C khởi kiện yêu cầu bà Lò Công P trả nợ vay là 1.158.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày khởi kiện đến khi xét xử sơ thẩm. Bà C xuất trình tài liệu là tờ giấy có tiêu đề “Lời khai cam đoan còn thiếu nợ” đề ngày 09/6/2017 âm lịch (sau đây gọi tắt là giấy nợ) để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Ngoài tài liệu này, bà C không xuất trình tài liệu nào khác.

[3] Nội dung giấy nợ thể hiện “*Hôm nay, ngày 9 tháng 6 - 2017 ÂL tôi tên Lò Công P SN 1967 tôi cư ngụ tại số nhà 11 Võ Thị Sáu X1 N1 tôi nhận thiếu số tiền của bà Giang Thị C SN 1974 số tiền là: từ ngày tháng 7 đến tháng 11 năm 2016 để làm ăn chung với vợ chồng Bà Bê số tiền là 1.158.000.000 (một tỉ một trăm năm mươi tám triệu đồng chẵn) Nay tôi làm giấy này lời khai sự thật nếu sao này có Di thay đổi tôi hoàn toàn chách nhiệm pháp luật. (chữ ký) Lô công Phồng*”.

[4] Lời khai của bà C, bà P và Kết luận giám định số 989/KLGD-PC09, ngày 19/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Thuận và số 3018/C09B, ngày 09/8/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh có nội dung phù hợp, thể hiện trong giấy nợ trên, bà P đã viết nội dung *“một tỉ một trăm năm mươi tám triệu đồng chẵn”* ký tên và ghi họ tên là Lò Công P, những nội dung còn lại do bà C viết.

[5] Xét giấy nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

5.1. Bà C trình bày số tiền 1.158.000.000 đồng bà đã cho bà P vay từ trước đến ngày 09/6/2017 âm lịch bà P tự nguyện nhận nợ nên hai bên mới lập giấy “Lời khai cam đoan còn thiếu nợ”. Xét thấy, nếu đúng như lời bà C trình bày thì bà P phải là người tự viết giấy nhận nợ vì đây là lời cam đoan của bà P đối với bà C. Việc bà C tự viết nội dung bà P nhận nợ với mình trong khi bà P có khả năng viết thành thạo là không thể hiện rõ ràng ý chí tự nguyện, lời cam đoan của bà P và có mâu thuẫn với lời trình bày của bà C.

5.2. Về nội dung ghi trong giấy nợ, tại Tòa án cấp sơ thẩm bà C khai bà P yêu cầu bà viết hộ, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà C lại xác nhận bà P không yêu cầu viết hộ mà do bà tự viết. Bà P cũng thừa nhận không nhờ bà C viết hộ giấy nợ. Lời khai của hai bên tại phiên tòa phúc thẩm đủ cơ sở xác định nội dung giấy nợ là ý chí của bà C, là do bà C đưa ra. Trong giấy nợ có nội dung *“từ ngày tháng 7 đến tháng 11 năm 2016 để làm ăn chung với vợ chồng Bà Bê số tiền là 1.158.000.000 ...”*. Bà C khai, do bà P nói vay tiền của bà C để làm ăn với bà Bê nên bà ghi vào giấy nợ nội dung trên. Cả bà C và bà P đều thống nhất xác định bà Bê mà các bà có quen biết là bà Lường Sau Phênh. Tại Tòa án cấp sơ thẩm bà Phênh đã xác nhận bà không làm ăn gì với bà P. Bà P cũng phủ nhận lời khai của bà C về việc mình có làm ăn với bà Bê nên có căn cứ để xác định tình tiết bà P vay tiền để làm ăn với bà Bê trong giấy nợ là không có thật, là ý chí của bà C đưa ra.

[6] Mặc dù tiêu đề giấy nợ thể hiện là “Lời khai cam đoan còn thiếu nợ” của người đứng tên là Lò Công P và lời khai của bà C tại Tòa án hai cấp xác định bà P nợ tiền vay của mình nhưng câu văn trong giấy nợ không thể hiện rõ ràng nội dung này. Cụ thể, trong giấy nợ có nội dung *“Tôi tên Lò Công P ... tôi nhận thiếu số tiền của bà Giang Thị C ... số tiền là: ...”* theo lời khai và yêu cầu của bà C và theo đúng logic, ý nghĩa của câu văn thì nội dung tiếp theo sau dấu hai chấm sẽ phải được ghi *“1.158.000.000”* và ghi số tiền bằng chữ trong dấu ngoặc đơn. Nhưng thực tế giấy nợ lại được ghi nội dung không liền mạch câu văn đó là cụm từ *“từ ngày tháng 7 đến tháng 11 năm 2016 để làm ăn chung với vợ chồng Bà Bê số tiền là 1.158.000.000...”* nội dung này không có ý nghĩa rõ ràng về việc bà P nợ tiền vay bà C.

[7] Suốt quá trình tố tụng tại Tòa án hai cấp, mặc dù bà C có lời khai thống nhất là bà P còn nợ mình 1.158.000.000 đồng tiền vay theo giấy nhận nợ ngày 9/6/2017 âm lịch, nhưng bà C lại có lời khai bất nhất, mâu thuẫn nhau về số nợ này. Cụ thể:

7.1. Về thời điểm cho vay: Tại lời khai ở Tòa án vào các ngày 13/12/2017, 12/4, 4/6 và 19/6/2018, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 14/10/2019 bà C Khai bà cho bà P vay tiền từ năm 2016 đến tháng 6 năm 2017 âm lịch. Lời khai ngày 13/8/2018 bà C khai bà cho vay trong năm 2016. Lời khai ngày 18/7/2019 là cho vay cuối năm 2015 đến đầu năm 2016. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 14/10/2019 bà C lại khai cho vay trong năm 2017. Trong khi nội dung “*từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2016*” trong giấy nợ được bà C khai là thời điểm bà cho bà P vay tiền. Như vậy, về thời điểm cho vay bà C không xác định được đã cho vay ngày, tháng, năm nào và có lời khai không thống nhất, mâu thuẫn với nội dung chứng cứ do mình cung cấp, không thể hiện rõ được nguồn gốc số nợ.

7.2. Về số lần cho vay: Chỉ duy nhất có lời khai ngày 13/8/2018, bà C khai cho bà P vay tiền 13 lần, gồm: 5 lần mỗi lần 100.000.000 đồng, hai lần mỗi lần 200.000.000 đồng, 5 lần mỗi lần 50.000.000 đồng và một lần 8.000.000 đồng. Còn các lời khai trước và sau ngày 13/8/2018 kể cả lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bà C đều khai bà cho bà P vay tiền nhiều lần, nhưng không nhớ bao nhiêu lần và mỗi lần cho vay bao nhiêu tiền. Như vậy, về số lần cho vay, bà C cũng có lời khai không thống nhất.

7.3. Về việc trả nợ vay: Tại lời khai ngày 12/4/2018 (bút lục số 20), bà C khai bà P đã trả hết nợ sau đó mượn lại. Lời khai ngày 13/12/2017 và ngày 22/12/2017 (bút lục số 21, 54), bà C khai bà P có trả gởi đầu rồi mượn lại. Các lời khai còn lại trước và sau các lời khai trên bà C đều xác nhận bà P không trả được khoản nợ nào từ lúc cho vay đến khi viết giấy chốt nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C khai bà P trả được 2 đến 3 tháng tiền lãi. Trong tất cả các lời khai trên, bà C cũng không xác định được số tiền bà P đã trả là bao nhiêu. Như vậy, về việc trả nợ vay bà C cũng có lời khai không thống nhất.

7.4. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà C khai khi cho vay tiền, chỉ có bà P là bà không yêu cầu lập giấy vay, còn tất cả các trường hợp khác đều phải ký giấy vay. Về lý do không lập giấy vay đối với bà P, bà C khai số tiền 1.158.000.000 được bà C cho bà P vay nhiều lần, mỗi lần vay đều không lập giấy vay, không ghi chép sổ sách theo dõi mà bà ghi nhớ trong đầu; Đến ngày 9/6/2017 âm lịch, hai bên chốt nợ nên mới làm giấy nợ. Việc bà không lập giấy vay từng lần và không ra phòng công chứng chứng thực khi bà P nhận nợ 1.158.000.000 là do lúc đó còn tin tưởng bà P. Lời khai này của bà C mâu thuẫn với chính lời khai của mình ngày 13/12/2017. Tại bản tự khai ngày 13/12/2017, bà C trình bày về việc bà lập hợp đồng cho bà P vay tiền tại Phòng công chứng có nội dung “*Có một lần vào ngày 15/6/2017 dương lịch, bà P vay mượn tiền tôi và nói là để bảo lãnh nợ cho bà Nga số tiền 250.000.000đ. Tôi không tin tưởng bà Nga và lúc này tôi cũng nghe nhiều điều tiếng về bà P, nên tôi bắt bà P đi công chứng số tiền 250.000.000đ. Đến nay, bà đã trả cho tôi số tiền 250.000.000đ nên tôi và bà P đến công chứng xóa hợp đồng*”. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà P cung cấp hợp đồng vay tiền ngày 15/6/2017 và hợp đồng ngày 14/8/2017, cả hai hợp đồng này đều được lập tại Phòng công chứng với nội dung bà C cho bà P vay

250.000.000đ (hợp đồng ngày 15/6/2017) và bà P đã trả số tiền vay này tại hợp đồng ngày 14/8/2017. Bà C thừa nhận có lập 02 hợp đồng trên tại Phòng công chứng. Như vậy, từ ngày 15/6/2017 trước khi lập giấy nợ ngày 09/6/2017 âm lịch (nhằm ngày 02/7/2017 dương lịch) bà C đã không còn tin tưởng bà P nên chỉ với số tiền 250.000.000 đồng bà C đã rất thận trọng, chặt chẽ trong việc cho vay, trả nợ đối với bà P, các giao dịch này đều được lập tại Phòng công chứng nhưng đến khi cho vay số tiền lớn hơn là 1.158.000.000 đồng và khi bà P thừa nhận nợ, bà C lại không yêu cầu đến Phòng công chứng chứng thực hợp đồng cho rõ ràng, đầy đủ nội dung. Việc bà C không lập giấy khi cho bà P vay tiền, khi bà P nhận nợ là mâu thuẫn và không phù hợp thực tế việc cho vay tiền của bà C đối với cá nhân bà P tại thời điểm trước và sau đó. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C trình bày do bà P bảo lãnh nợ cho bà Nga nên bà mới yêu cầu bà P đến Phòng công chứng lập hợp đồng. Lời khai này của bà C là chưa hợp lý vì việc bà P bảo lãnh nợ cho bà Nga và việc bà P vay tiền cho bà C đều có bản chất giống nhau, đó là bà P là người phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà C nên lập luận này của bà C không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư của bà C đối đáp với luật sư của bà P cho rằng khi lập giấy nợ ngày 02/7/2017, vì bà C đã nghi ngờ không còn tin tưởng bà P nữa nên nếu yêu cầu đến Phòng công chứng ký giấy nhận nợ, bà P sẽ không chịu ký. Lập luận này của luật sư là không hợp lý và mâu thuẫn với lời khai của bà C và lời phát biểu của luật sư trước đó vì cả bà C và luật sư đều trình bày, bà P tự nguyện ký giấy nhận nợ và còn chủ động giành ghi số tiền bằng chữ vào giấy nợ cho chắc. Lý do bà C đưa ra để lý giải việc hai bên không đến Phòng công chứng lập hợp đồng vay tiền như đã đã từng làm ở thời điểm trước và sau khi lập giấy nợ là mâu thuẫn với thực tế hoạt động cho vay tiền của bà C đối với bà P và không có căn cứ để xác định bà P thuộc trường hợp ngoại lệ, không cần lập giấy tờ khi vay tiền của bà C.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P và bà C đều xác nhận trước khi tranh chấp ở vụ án này, bà C là người thường xuyên cho nhiều người dân ở huyện P1, huyện B vay tiền, bà P là người đi thu tiền cho bà C và được bà C trả huê hồng. Bà C thừa nhận bà đã cho hơn 100 người tại địa phương vay tiền với lãi suất từ 2% đến 3%/ tháng. Bà P trình bày: Bà C làm sẵn mẫu giấy mượn tiền được đánh máy, có chừa khoảng trống tại các mục, khi có người vay tiền, người vay phải đến gặp bà C, tự tay viết vào giấy mượn tiền ở các mục họ tên, địa chỉ, năm sinh, số chứng minh nhân dân, ký tên lẫn tay và ghi họ tên vào mục Bên mượn tiền. Các mục Người cho vay, số tiền vay, ngày vay được để trống, bà C cho vay tiền và giữ chứng minh nhân dân cùng giấy mượn tiền, đồng thời ghi vào sổ tên người vay, số tiền, ngày vay để theo dõi. Bà P căn cứ vào sổ bà C, ghi lại thông tin để đi thu nợ. Khi người vay trả xong nợ, bà C trả lại chứng minh nhân dân và giấy mượn tiền. Còn nếu không trả đúng thời hạn, bà C sẽ ghi số tiền vay và tên người vay vào giấy mượn tiền để làm chứng cứ đòi nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P cung cấp 09 giấy mượn tiền có hình thức như trên. Mặt sau 09 giấy này đều có ghi tên người với những cụm từ không rõ nghĩa. Ví dụ: Tại giấy mượn tiền tên Nguyễn Thị Hoàng mặt sau được ghi “*moai sẵn mau chị sáng vợ anh*

sáng bên Anh”. Bà C thừa nhận: 09 giấy mượn tiền do bà P cung cấp là những trường hợp bà cho vay tiền và cũng thừa nhận chữ viết ở mặt sau của giấy mượn tiền bà ghi để biết người vay là ai nhằm theo dõi nợ. Khi cho vay tiền, trừ bà P ra, tất cả mọi người bà đều yêu cầu ký giấy mượn tiền và đều ghi sổ sách theo dõi. Với các tài liệu trên và lời khai của bà C thì khi cho bà P vay tiền và khi bà P nhận nợ, nếu không thể đến Phòng công chứng để chứng thực, bà C vẫn có thể sử dụng những mẫu giấy mượn tiền này để yêu cầu bà P xác nhận nợ với nội dung rõ ràng, chặt chẽ hơn. Tuy nhiên, bà C đã không sử dụng những mẫu giấy này để kết nợ với bà P mà lại tự viết giấy nhận nợ là không hợp lý, trái với cách thức cho vay tiền của bà C trên thực tế.

[9] Với giấy nợ không rõ ràng về nội dung, trình tự lập giấy nợ còn nhiều bất hợp lý, nguồn gốc số tiền nợ không rõ ràng, lời khai của bà C về số nợ, thời điểm cho vay, số lần vay, số tiền đã trả, còn nhiều mâu thuẫn và không thống nhất với chứng cứ do bà C đưa ra như phân tích ở trên. Do đó, chưa đủ cơ sở để xác định bà P đã vay và còn nợ bà C số tiền 1.158.000.000 đồng như yêu cầu của bà C. Từ đó, chỉ với việc bà P có ký vào giấy nợ thì chưa đủ cơ sở để xác định bà P còn nợ bà C. Bản án sơ thẩm chưa đánh giá đầy đủ chứng cứ và các tình tiết khác trong vụ án mà chỉ căn cứ duy nhất vào việc bà P đã ký giấy nợ để buộc bà P trả nợ cho bà C 1.158.000.000 đồng cùng tiền lãi kèm theo là chưa đủ căn cứ.

[10] Với nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bà P và ý kiến của luật sư phía bà P cùng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận là có căn cứ. Yêu cầu khởi kiện của bà C và ý kiến của luật sư phía bà C là chưa đủ cơ sở. Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo nhận định trên, bác yêu cầu khởi kiện của bà C.

[11] Về án phí và chi phí tố tụng: Về án phí, do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải nộp án phí phúc thẩm; bà C phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền không được chấp nhận. Về chi phí tố tụng, bà P tự nguyện chịu chi phí giám định là phù hợp quy định pháp luật nên Tòa án công nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bà Lò Công P; Sửa bản án sơ thẩm số 01/2019/DSST ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện B:

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Giang Thị C về việc buộc bà Lò Công P phải trả số tiền đã vay là 1.158.000.000 đồng và tiền lãi kèm theo là 124.333.070 đồng.

Về án phí:

- Bà Giang Thị C phải nộp 50.469.992 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 40.740.000 đồng

theo biên lai số 0015537 ngày 12/12/2017 và 2.895.000 đồng theo biên lai số 0015783 ngày 12/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Bà C còn phải nộp 6.834.992 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lò Công Phòng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai số 0016065 ngày 18/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 15/10/2019.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TA (02 bản), THA cấp huyện;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP - Tòa án tỉnh;
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hiệp Hòa